

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

*Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011*

*Đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

Địa chỉ: Số 02-KTM 06, Đường số 06, Khu Đô thị 5A, P.4, Tp.Sóc Trăng, T.Sóc Trăng

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 03
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	04 – 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 – 08
- Kết quả hoạt động kinh doanh	09 – 09
- Bảng lưu chuyển tiền tệ	10 – 10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 45



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### Công ty

**Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long** được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 2200280598 ngày 05/12/2007 và thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Sóc Trăng cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp

**Trụ sở chính:** Số 02-KTM 06, Đường số 06, Khu đô thị 5A, Phường 4, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

### Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Trồng mua bán hoa, cây cảnh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao
- Xây dựng nhà các loại, công trình giao thông, công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá vỡ chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi, và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc-ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy điều hòa nhiệt độ, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và các thiết bị khác dùng trong mạch điện), giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông.
- Thiết kế công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn.
- Tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi nông thôn, công nghiệp.

**Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 250.000.000.000 đồng

**Công ty liên kết:** Công ty TNHH Nhứt Trung Anh

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.158.854.234 đ (Năm 2010 là 36.059.886.855 đ).
- Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là: 8.434.851.150 đ (Năm 2010 là 27.315.710.476 đ)

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ lập báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### Thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông:	Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông:	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Ông:	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Ông:	Trương Văn Phước	Thành viên
Ông:	Dương Thế Nghiêm	Thành viên

#### Thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông:	Nguyễn Triệu Dũng	Giám đốc
Ông:	Nguyễn Sông Gianh	Phó Giám đốc
Ông:	Dương Thế Nghiêm	Phó Giám đốc

#### Thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông:	Dương Ngọc Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Ông:	Trần Văn Bửu	Thành viên
Bà:	Trần Thị Mỹ Khanh	Thành viên

#### Kế toán trưởng

Ông: Lê Phước Sang

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

**TM. Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

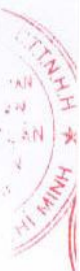


**Nguyễn Triệu Dũng**

Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

**TM. Ban Giám Đốc**  
**Giám đốc**

**Nguyễn Triệu Dũng**



Số : 22.../BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011  
Của Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long**

**Kính gửi:**

- Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long được lập ngày 12/01/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 45.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2012**Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính  
Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám đốc**  
**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

**Kiểm toán viên****Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>PHẦN TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>460.842.538.943</b>	<b>369.717.088.046</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>901.277.994</b>	<b>8.519.815.801</b>
1. Tiền	111		901.277.994	8.519.815.801
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>2</b>	<b>70.335.324.538</b>	<b>60.645.526.640</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	2.1	51.357.671.810	44.945.715.148
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	18.977.652.728	15.699.811.492
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>389.605.936.411</b>	<b>300.551.745.605</b>
1. Hàng tồn kho	141	3	389.605.936.411	300.551.745.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>95.937.498.214</b>	<b>74.294.275.490</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.384.681.269</b>	<b>64.068.541.828</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4	59.384.681.269	64.068.541.828
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

1020  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  
TP.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5</b>	<b>15.839.668.808</b>	<b>10.208.150.558</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.1	15.817.200.295	5.066.363.557
- Nguyên giá	222		17.230.207.748	6.223.331.206
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.413.007.453)	(1.156.967.649)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.2	22.468.513	30.877.909
- Nguyên giá	228		42.047.000	42.047.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19.578.487)	(11.169.091)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			5.110.909.092
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.640.000.000</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6	20.640.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>73.148.137</b>	<b>17.583.104</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	73.148.137	17.583.104
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>556.780.037.157</b>	<b>444.011.363.536</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>PHẦN NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>290.715.465.783</b>	<b>160.289.760.972</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>8</b>	<b>188.215.465.783</b>	<b>85.289.760.972</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8.1	149.500.000.000	72.500.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	8.2	9.452.808.413	3.248.659.545
3. Người mua trả tiền trước	313	8.3	7.300.866.361	1.658.060.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.4	6.570.843.115	5.120.866.601
5. Phải trả người lao động	315	8.5	1.315.621.077	
6. Chi phí phải trả	316	8.6	8.098.266.667	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.7	2.400.000.000	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.577.060.150	2.762.174.726
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>102.500.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	9	102.500.000.000	75.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)</b>	<b>400</b>		<b>266.064.571.374</b>	<b>283.721.602.564</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>10</b>	<b>266.064.571.374</b>	<b>283.721.602.564</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.086.480.149	4.270.594.725
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.543.240.075	2.135.297.363
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.434.851.150	27.315.710.476
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>556.780.037.157</b>	<b>444.011.363.536</b>

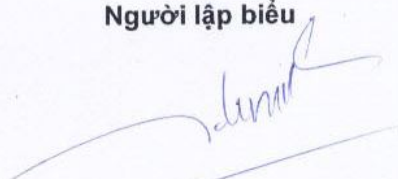
## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

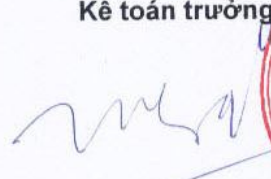
Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu



Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng



Lê Phước Sang

Giám đốc



Nguyễn Triệu Dòng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2011	NĂM 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.1	83.562.691.338	162.333.653.443
2. Các khoản giảm trừ	03		4.447.626.041	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		79.115.065.297	162.333.653.443
4. Giá vốn hàng bán	11	12	63.295.845.720	111.298.593.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.819.219.577	51.035.059.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11.2	797.428.815	1.270.658.656
7. Chi phí tài chính	22	13	797.428.815	1.270.658.656
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		797.428.815	1.270.658.656
8. Chi phí bán hàng	24	14	793.440.213	590.459.908
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	4.963.189.648	3.490.391.122
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)	30		10.062.589.716	46.954.208.522
11. Thu nhập khác	31	11.3	1.272.727.273	54.545.455
12. Chi phí khác	32	16	1.680.688.430	88.900.975
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(407.961.157)	(34.355.520)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.654.628.559	46.919.853.002
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	1.495.774.325	10.859.966.147
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.158.854.234	36.059.886.855
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	326	1.656

Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Lê Phước Sang

Nguyễn Triệu Dòng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2011	NĂM 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		92.536.644.856	89.072.481.192
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(58.075.904.540)	(97.327.134.398)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.179.610.462)	(4.625.345.717)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(30.033.178.848)	(19.582.414.824)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(7.994.181.664)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		111.353.113.165	160.120.781.646
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(94.899.185.627)	(187.321.729.959)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.701.878.544</b>	<b>(67.657.543.724)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(273.741.455)	(149.744.682)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.640.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		797.428.815	1.270.658.656
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(20.116.312.640)</b>	<b>1.120.913.974</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			56.736.250.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		159.473.433.483	78.011.585.240
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(138.405.818.444)	(70.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.271.718.750)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.204.103.711)</b>	<b>64.247.835.240</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.618.537.807)</b>	<b>(2.288.794.510)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.519.815.801</b>	<b>10.808.610.311</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>901.277.994</b>	<b>8.519.815.801</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Giám đốc

Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Lê Phước Sang

Nguyễn Triệu Đồng